

## BẢN SẮC DÂN TỘC QUA THƠ VIẾT VỀ THÔN QUÊ CỦA NGUYỄN TRÃI VÀ BASHÔ

Lê Thị Nương<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

*Nguyễn Trãi và Bashô là hai tác giả tiêu biểu cho hai nền văn học trong khu vực Đông Á thời trung đại. Đặc biệt, thơ thôn quê của hai thi nhân đều mang vẻ đẹp độc đáo riêng của văn học Việt Nam và Nhật Bản. Những vần thơ mộc mạc, bình dị viết về thiên nhiên, con người thôn quê không chỉ thể hiện nhân sinh quan sâu sắc mà còn là niềm tự hào và tình yêu quê hương, xứ sở của các thi sĩ. Ấn sau vần thơ Nôm của Nguyễn Trãi, thơ Haiku của Bashô là cảnh sắc và tâm hồn của mỗi dân tộc.*

**Từ khóa:** *Thơ thôn quê, bản sắc dân tộc, Nguyễn Trãi, Bashô.*

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học là một thành tố tạo nên nền văn hóa của mỗi dân tộc, đằng sau ngôn từ nghệ thuật là cả chiều sâu giá trị tinh thần của mỗi thời đại. Trong đó, tính dân tộc là một trong những đặc điểm tạo nên sự khác biệt về văn học giữa các nước cùng ảnh hưởng một nền văn hóa. Tính dân tộc trong văn học là “khái niệm thuộc phạm trù tư tưởng - thẩm mỹ, chỉ mối liên hệ khăng khít giữa văn học và dân tộc, thể hiện qua tổng thể những đặc điểm độc đáo tương đối bền vững chung cho các sáng tác của một dân tộc, được hình thành trong quá trình phát triển lịch sử và phân biệt với văn học của các dân tộc khác” [4; tr.289]. Thơ thôn quê Nguyễn Trãi (1380 - 1442) và Bashô (1644 - 1694) gợi lên những đặc trưng về đất nước và con người của hai dân tộc trong thời trung đại.

### 2. NỘI DUNG

#### 2.1. Thơ hướng về thiên nhiên bình dị, chân thực, giàu cảm xúc

Thơ ca trung đại Việt Nam và Nhật Bản cùng nằm trong dòng chảy của thơ ca trung đại các nước vùng văn hóa chữ Hán. Thi nhân và thiên nhiên là tri kỉ hô ứng các cung bậc cảm xúc tinh tế trong tâm hồn con người. Tuy nhiên, hình ảnh thiên nhiên trong thơ trung đại ở mỗi dân tộc lại mang vẻ đẹp riêng biệt, độc đáo, đặc biệt là những vần thơ viết về thiên nhiên thôn quê bình dị. Hơn nữa: “Tính dân tộc biểu hiện trong sự phản ánh “màu sắc” dân tộc của thiên nhiên, của đời sống vật chất và tinh thần của xã hội” [4; tr.290]. Thiên nhiên thôn quê không chỉ là cảnh sắc thuần phác mà còn là chốn bình yên để thi nhân kí thác tâm sự thời thế. Các thi nhân đã phá vỡ tính quy phạm, vượt qua được rào cản của tính ước lệ để hướng ngòi bút gần sát hơn với hiện thực cuộc sống khi khắc họa thiên nhiên bình dị, dân dã trong sáng tạo nghệ thuật. Cái đẹp của nghệ thuật không chỉ có trong

<sup>1</sup> Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

điền phạm mà còn hiện diện trong cuộc sống hiện thực, là bức tranh làng quê thanh bình, yên ả đã gắn bó với người dân lao động. Nguyễn Trãi và Bashô đã khắc họa bức tranh thiên nhiên bình dị, mang đậm cảnh sắc quê hương qua những vần thơ tinh tế, đậm đà tinh thần dân tộc.

Thiên nhiên Đại Việt cũng đã xuất hiện trong thơ các thi nhân thời Trần, tuy nhiên, phải đến thơ Nôm Nguyễn Trãi, vẻ đẹp dân dã, mộc mạc mới được hiện lên sinh động và chân thực. Thiên nhiên đồng nội và những sản vật hàng ngày vốn rất đời thường thuộc với người dân Việt hàng nghìn đời nay, nhưng khi thiên nhiên ấy được phác họa trong thơ Úc Trai, tất cả đều nên thơ, vừa quen vừa lạ. Hình ảnh thiên nhiên, sản vật vốn gần gũi bình dị bỗng trở nên có hồn, trở thành bầu bạn tri kỉ cùng thi nhân. Nhà thơ coi khoảnh khắc hòa mình vào thiên nhiên là khoảnh khắc bản thể hài hòa nhất.

Những hình ảnh, đường nét, sắc màu, âm thanh của thiên nhiên đều gọi lên sự gắn bó, gần gũi, khơi gợi cảm xúc về quê hương:

Tả lòng thanh vị núc nác,  
Vun đất ải, lạnh mòng toi.

(*Ngôn chí - 9*)

Thơ thiên nhiên thôn quê của Nguyễn Trãi vừa cho thấy xu hướng dân tộc hóa của thi nhân vừa cho thấy sự phát triển chung của các nước trong khu vực văn hóa chữ Hán. Văn học hướng tới thể hiện những vẻ đẹp chân thực, đặc sắc riêng của mỗi dân tộc. Thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi mang dấu ấn đậm đà phong vị Đại Việt thế kỉ XV. Thi nhân thoát khỏi những ước lệ đã thành công thức hóa để đưa hình ảnh thiên nhiên thân thuộc, gần gũi vào thơ: “Quả núc nác, rảnh mòng toi, bẻ rau muống, luộc dọc mùng, rồi vầu tre, kê khoai, dưa muối... là những thứ rất quen thuộc với nông dân, nhưng lại rất xa lạ với thơ văn chữ Hán” [6; tr.203]. Những sắc màu, đường nét, cảnh vật của bức tranh quê thật thân thương, gần gũi:

Ai có cửa thông phòng thết khách,  
Một ao niềng niềng mấy đòng đòng.

(*Thuật hứng 11*)

Núi lánng giếng, chim bầu bạn,  
Mây khách khứa, nguyệt anh tam.

(*Thuật hứng 19*)

Ao quan thả gửi hai bè muống,  
Đất bụt ương nhờ một luồng mùng.

(*Thuật hứng 23*)

Trong bức tranh quê của Nguyễn Trãi có hương sắc, cỏ cây, sản vật đặc trưng của quê hương nơi thi nhân gắn bó, ẩn náu. Trước đó, Nguyễn Phi Khanh cũng đã từng nhắc đến âm thanh quen thuộc của làng quê trong bài *Thôn gia thú* (Thú quê nhà): “*Quá vũ trì đường oa ngữ quát*” (*Mưa tạnh, ao chuôm inh ỏi tiếng ếch*). Ngay từ thế kỷ XV, những âm thanh, hình ảnh mộc mạc của làng quê đất Việt đã được đưa vào thơ với bao thân thương, triu mến của thi nhân.

Đó cũng là điểm gặp gỡ của các thi sĩ trung đại trong khu vực văn hóa chữ Hán. Bashô là nhà thơ của thiên nhiên Nhật Bản, đặc biệt là thiên nhiên thôn dã. Cuộc hành

trình của nhà thơ về với thiên nhiên và hòa mình vào thế giới tự nhiên mộc mạc ấy không chỉ thể hiện một mỹ cảm thông thường mà đằng sau đó là cả một nhân sinh quan sâu sắc về vũ trụ và con người. Thi nhân đã đưa những nhánh hoa, những con vật bình dị gắn với cuộc sống hàng ngày vào thơ: “Có những vật nhỏ bé bình thường: con quạ, con ếch, con cá, con mực, chấy rận, hoa dã quỳ, hoa thu (hagi)...” [3; tr.35]. Người đọc cảm nhận được sự gần gũi với thôn quê của thi nhân trung đại ở xứ sở Phù Tang:

Quanh chiếc cối xay  
Trên mình cúc trắng  
Chút bụi cám bay  
Trong lều ngư dân  
Giữa đám tôm cá  
Có con dế mèn

[*Dẫn theo 1; tr.272*]

Những hình ảnh thiên nhiên được nhắc đến trong bài thơ thật tự nhiên, thuần phác. Hình ảnh con tôm, con cá, con dế mèn, bụi cám... trở thành trung tâm của bài thơ, là cảm xúc thẩm mỹ của thi nhân. Vẻ đẹp đó cho thấy thơ Haiku mang trạng thái Wanbi (đà) “là cái đơn sơ bình thường mà ta bắt gặp ở những sự vật khiêm tốn nhất và dường như nghèo nàn nhất” [1; tr.273]. Hình ảnh thiên nhiên sản vật mang nét đặc trưng riêng phù hợp với khí hậu và phong thổ của mỗi dân tộc, vùng miền. Trong đó, hướng ngòi bút đến những cảnh vật bình dị đời thường chính là cách thi nhân góp phần thể hiện vẻ đẹp độc đáo riêng của dân tộc mình. Từ âm thanh đến cảnh vật đời thường trở thành nguồn thi hứng dồi dào trong sáng tác của Bashô:

Mưa mùa đông  
Rơi trên mái chuồng bò  
Con gà trống gáy vang  
*(Mưa mùa đông)*

Khi hoa cúc mùa thu lụi tàn  
Chẳng có gì để viết  
Ngoài đám cây củ cải  
*(Khi hoa cúc mùa thu lụi tàn)*

Nét đặc trưng của thơ Haiku chính là những khắc họa thiên nhiên bốn mùa qua những hình ảnh chấm phá, gợi tả. Dù viết về mùa đông lạnh giá hay mùa thu “lụi tàn”, những hình ảnh, âm thanh mộc mạc, bình dị vẫn là niềm ưu ái của thi nhân. Thơ Bashô thật hiếm khi xuất hiện cảnh sơn thủy hùng vĩ hay thiên nhiên mang tính điển phạm cao nhã, tiếng “gà trống gáy vang” hay “đám cây củ cải” lại trở thành nguồn thi hứng bất tận của nhà thơ có niềm ưu ái đặc biệt với thiên nhiên bình dị. Đôi khi âm thanh của một con ếch nhảy vào ao cũng gợi lên những mỹ cảm độc đáo, mới lạ. Hồn thơ được khơi hứng từ chính hình ảnh đời thường, dân dã. Cảnh vừa động vừa tĩnh, âm thanh và hình ảnh hiện hữu trong một không gian nhỏ hẹp trong bài *Cái ao cũ*:

Một con ếch nhảy vào ao  
Xao động!  
Lại im lìm

Nguyễn Trãi và Bashô cùng tiếp thu trường phái thơ “điền viên, sơn thủy” của văn học Trung Hoa, coi trọng vai trò của thiên nhiên, tuy nhiên cảnh sắc trong thơ của hai thi nhân lại ẩn chứa vẻ đẹp đặc sắc riêng biệt. Đó còn là tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của thi nhân trước thiên nhiên xứ sở. Phải là những thi nhân có tình yêu quê hương, gắn bó tha thiết cùng niềm tự hào dân tộc mới tạo nên những vần thơ tinh tế, giàu giá trị biểu cảm. Thơ về thiên nhiên thôn quê bình dị còn cho người đọc thấy được vẻ đẹp của tâm hồn hai thi nhân đều tìm về vẻ đẹp trong trẻo, thuần phác, bình dị trong cuộc sống đời thường.

Đằng sau những hình ảnh thiên nhiên rất đời bình dị ấy là những chiêm nghiệm sâu sắc về cuộc sống, con người và nguồn gốc của nghệ thuật. Dù các tác giả sáng tác theo lối quy phạm nhưng vẫn luôn đề cao chất liệu hiện thực tạo nên giá trị đặc sắc riêng của thơ ca trung đại và nét độc đáo về cảnh sắc của mỗi dân tộc.

## 2.2. Thơ hướng tới ca ngợi cuộc sống đời thường dân dã

Tính nhân dân và tính dân tộc của tác phẩm trước hết thể hiện ở việc phản ánh đến đời sống của đông đảo người dân thời trung đại. Tư tưởng thân dân chi phối hầu hết trong sáng tác của các nhà nho yêu nước. Hơn nữa: “Nội dung căn bản của tính dân tộc là ở tinh thần dân tộc, thể hiện ở tính cách dân tộc và cái nhìn dân tộc với cuộc đời” [4; tr.290]. Tính nhân dân ngày càng được thể hiện theo xu hướng chân thực và gần gũi với cuộc sống đời thường dân dã ở nông thôn. Chính vì vậy, cảnh lao động sản xuất thôn quê cùng với cuộc sống bình dị được thể hiện chân thực trong các thi phẩm trung đại Việt Nam và Nhật Bản.

Cuộc sống lao động thôn quê được thể hiện phong phú trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi. Thi nhân không chỉ là nhà nho hành đạo mà có khi còn như một “lão nông tri điền” khi lui về ẩn dật chốn quê. Đây là nơi tạo nên nguồn cảm hứng mang tinh thần dân tộc sâu sắc. Các bài thơ Nôm chủ yếu khắc họa bức chân dung của chính thi nhân nơi thôn dã với công việc “tạ tình, canh điền” quen thuộc và gần gũi. Nhà thơ khắc họa hình ảnh lao động ở thôn quê với tư thế nhàn tản, an nhàn, gắn bó với tự nhiên: “Đạp áng mây, ôm bó củi - Ngồi bên suối, gác cần câu” (*Trần tình* 5); “Một cây, một cuốc thú nhà quê - Áng cúc lan xen vãi đậu kê” (*Thuật hứng* 3); “Ao cạn vớt bèo cấy muống - Đìa thanh phát cỏ ương sen” (*Thuật hứng* 24).

*Quốc âm thi tập* thể hiện khá phong phú đời sống tinh thần nơi thôn dã của thi nhân với những niềm vui giản dị, đời thường. Dưới chân núi Côn Sơn, thi nhân thưởng ngoạn cảnh trí và tìm thấy niềm vui khi sống hòa vào thiên nhiên. Khung cảnh yên bình ở làng quê giúp thi nhân quên đi những âu lo trên con đường hoạn lộ, thả lòng mình đón nhận những vui thú điền viên:

Dò trúc, xông qua làn suối,  
Tìm mai, theo đạp bóng trăng.  
Giang sơn bát ngát kia quê cũ,  
Tùng cúc bù trĩu ấy cửa hàng.

(*Tự thán* - 7)

Dường như vòng tuần hoàn thời gian của thi nhân luôn đầy ắp những niềm vui giản dị. Nhà thơ hài lòng với cuộc sống thanh đạm “tự cấp tự túc” chốn điền viên: “*Tạc tỉnh nhi ẩm, canh điền nhi thực*” (Đào lấy giếng mà uống, cày lấy ruộng mà ăn). Thi nhân còn vui thú thưởng nguyệt, ngắm hoa, đọc sách, ngâm thơ để di dưỡng tâm hồn:

Đêm thanh hợp nguyệt nghiêng chén,  
Ngày vắng xem hoa bọ cây.

(*Ngôn chí, 10*)

Sống gần gũi với thôn dân, cùng chia sẻ với cuộc sống bình dị của người dân là nguồn thi hứng xuyên suốt trong nhiều sáng tác của Nguyễn Trãi. Người đọc cảm nhận được sự gắn bó cũng như tình cảm tha thiết của Úc Trai dành cho đời sống của muôn dân. Trong thơ Nôm của ông vẫn thấp thoáng xuất hiện hình ảnh “Mấy đứa ngư tiều bầu bạn thân” (*Tự thán, 32*) hoặc “Lao xao chợ cá làng ngư phủ” (*Bảo kính cảnh giới, 43*), có khi thật chân tình nồng hậu:

Miệt bả, hài gai, khăn cóc,  
Xuềnh xoàng làm mỗ đứa thôn nhân.

(*Mạn thuật 1*)

Nếu thơ Nôm Nguyễn Trãi làm hiện lên cuộc sống bình dị, mộc mạc của làng quê Việt, thì thơ Haiku của Bashô cũng như một bức tranh với những gam màu có thực về cuộc sống và con người của xứ sở Phù Tang. Đó là niềm hứng khởi của thi nhân trên đường tìm tới vùng đất lạ, có lúc là niềm trăn trở trên đường đời, có khi là những thao thức về cuộc sống con người... Tất cả tạo nên một bức tranh cuộc sống đa sắc, sinh động.

Trên hành trình tìm về với cội nguồn của cái đẹp, Bashô cảm nhận được vẻ đẹp của người dân lao động cũng như phát hiện ra nơi khởi nguồn của thi ca:

Nơi bắt đầu thực sự  
của thi ca - một vùng đồng bắc  
những bài ca trồng lúa.

(*Bài ca trồng lúa*)

Họ gieo mạ trên khắp cánh đồng  
và lúc đó tôi rời khỏi  
cây liễu của Saigyo.

(*Rời gốc liễu*)

Chính cuộc sống bình dị, cần lao của những người dân quê đã tạo nên những vần thơ mộc mạc, sâu lắng. Bashô lắng nghe và cảm nhận âm thanh của cuộc sống đa sắc màu, nhà thơ phát hiện ra sự hòa hợp giữa âm thanh của thiên nhiên và âm thanh của cuộc sống con người:

Người bán mực ồng rao lên  
Lẫn với tiếng kêu

Con chim gáy

(*Tiếng rao bán mực*)

Cuộc sống và con người thôn quê còn được thể hiện từ bức chân dung tự họa của thi nhân. Cũng là cuộc sống “Cơm ăn chẳng quản dưa muối/ Áo mặc nài chi gấm thêu” (Nguyễn Trãi), Bashô hài lòng với cuộc sống bình dị, nâng niu từng khoảnh khắc gắn bó

với thiên nhiên. Thơ ông mang vẻ đẹp thuần khiết, thanh tịnh, mỗi tứ thơ được chưng cất lên từ chính cuộc sống đời thường vốn sinh động và đa sắc:

Đêm thu lạnh lẽo  
 Dọn bữa cơm tối, chúng tôi gọt  
 Cà tím với dưa leo.  
 (Trong lều ẩn sĩ)

Tôi sẽ quét vườn  
 trước khi ra đi - trong chùa  
 lá liễu rụng rơi.  
 (Quét vườn)

Tình cảm trù mến, gắn bó với thế giới bình dị của các nhà thơ là biểu hiện đặc trưng cho tính dân tộc thời trung đại. Các thi nhân không chỉ phác họa và để lại cho hậu thế những khoảnh khắc luân chuyển bốn mùa của thiên nhiên mà còn gọi lại cuộc sống lao động và vẻ đẹp tâm hồn của tiền nhân.

Cùng nằm trong vùng văn hóa chữ Hán, mỗi thi nhân lại thể hiện tình nghĩa với thôn quê bằng những nét đặc sắc riêng. Các nhà nho Trung Hoa thường thể hiện chí khí ngạo du sơn thủy, chu du nhiều nơi trên lãnh thổ rộng lớn. Trong khi đó, tinh thần võ sĩ đạo của Nhật Bản cũng thể hiện tư tưởng du ngoạn nhưng gần gũi hơn với cuộc sống người dân. Bashô đã đi chuyển nhiều nơi trên đất nước Nhật để được tận mắt chứng kiến cuộc sống của mọi giai tầng trong xã hội. Nhà nho trung đại Việt Nam vừa có điểm gặp gỡ với các thi nhân trung đại trong vùng văn hóa chữ Hán vừa thể hiện bản sắc riêng của thơ ca dân tộc. Đó là sự gắn bó thiết tha sâu nặng với quê hương bản quán, dù làm quan hay về ở ẩn, các thi nhân vẫn luôn hướng về chốn quê với những tình cảm thân thương, chân thành nhất.

### 2.3. Phát huy thể thơ dân tộc

Quá trình phát triển của nền văn học mỗi dân tộc đồng thời cũng là quá trình xây dựng nền văn học viết bằng tiếng nói dân tộc: “Mỗi nền văn học dân tộc có hệ thống thể loại truyền thống, có các phương tiện miêu tả, biểu hiện riêng, nhất là có ngôn ngữ dân tộc thể hiện bản sắc riêng trong tư duy và tâm hồn dân tộc mình” [4; tr.290]. Một nhà văn dù sáng tác ở thể loại nào, họ vẫn phải sử dụng một số phương diện biểu hiện quen thuộc của hình thức nghệ thuật dân tộc, đặc biệt là các chất liệu của đời sống xã hội và thiên nhiên của dân tộc mình. Do đó, tính dân tộc còn được xem như là một phẩm chất của tác giả văn học. Nguyễn Trãi và Bashô đều viết về đề tài thôn quê, nhưng điều góp phần làm nên sự khác biệt trong thơ của hai thi nhân đó chính là sự vận dụng thể thơ dân tộc của hai nền văn học.

Nguyễn Trãi không chỉ là nhà thơ mà còn là nhà văn hóa lớn của văn học Việt Nam thế kỷ XV, *Quốc âm thi tập* là một dấu mốc cho sự phát triển mạnh mẽ của ngôn ngữ dân tộc. Đây không chỉ là tập thơ đầu tiên thành công về nghệ thuật sử dụng chữ Nôm, mà còn là tác phẩm thơ Nôm Đường luật đầu tiên xuất hiện vẻ đẹp thôn quê bình dị, dân dã. Tác

phẩm là sự chuyển biến, phát triển của thơ trung đại theo hướng dân tộc hóa văn học. Nguyễn Trãi là người đã tạo nên dấu mốc đầu tiên cho sự trỗi dậy mạnh mẽ của văn học bác học đi sâu và khám phá hiện thực cuộc sống, những giá trị văn hóa của dân tộc. Tiếp thu từ thơ chữ Hán Đường luật của văn học Trung Hoa, Nguyễn Trãi đã ghi âm đọc tiếng Việt thế kỉ XV với những vần thơ quốc âm giàu cảm xúc. Đặc biệt, Ước Trai đã sáng tạo ra thể thơ thất ngôn xen lục ngôn từ chính câu thất ngôn luật Đường. Chữ giảm trong câu thất ngôn có thể là một trong các chữ thứ nhất, thứ ba, thứ năm, thứ sáu. Trong đó, chữ thứ bảy và chữ thứ hai trong câu thất ngôn luôn giữ cố định. Cách dùng thể thơ thất ngôn xen lục ngôn khiến cho giọng điệu và tứ thơ phong phú hơn, mang đặc điểm riêng của ngôn ngữ thơ ca dân tộc. Từ tên đất, tên người cho đến những cảnh vật hàng ngày đều gọi lên sự thân thương, gần gũi vốn tồn tại hàng nghìn đời nay của thôn quê làng Việt.

Đồng điệu với Nguyễn Trãi, Bashô là thi nhân đã tạo ra thể thơ Haiku có thể được xem là tiếng nói, tâm hồn Nhật Bản thế kỉ XVII. Haiku bắt nguồn từ thể thơ truyền thống tanka (Đoản ca). Haiku thật ra là phần đầu của bài tanka. Tanka còn gọi là waka (Hòa ca) tức là thơ của người Nhật Bản. Đây là thể thơ ngắn nhất thế giới bởi mỗi bài haiku, mặc dù đôi khi ta vẫn thấy có những hình thức khác, nhưng thường chỉ có 17 âm tiết trong 3 câu 5+7+5 (17 âm tiết). Cảm hứng thẩm mỹ thường là đề cao cái vắng lặng, u tịch (sabi), đơn sơ, thanh tịnh (suabi), u huyền, thâm trầm (yugen), mềm mại (shiori). Ngôn ngữ thơ haiku thường mơ hồ, đa nghĩa, gợi chứ không tả.

Nếu như sau Nguyễn Trãi có sự kế thừa mạnh mẽ về thơ Nôm như Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương... thì sau khi Bashô mất, ông cũng có hàng ngàn môn đệ tiếp nối con đường mà ông đã đi, để lại nhiều tuyệt tác cho văn học Nhật Bản. Điều đó cho thấy, nguồn mạch trong trẻo và lâu bền nhất của văn học chính là vẻ đẹp của tâm hồn dân tộc. Nguyễn Trãi và Bashô là hai thi nhân đã đề cao vẻ đẹp tinh thần của mỗi dân tộc qua những vần thơ thôn quê bình dị, mộc mạc nhất. Hơn nữa: “Muốn tồn tại bên cạnh nền văn hóa lớn như văn hóa Trung Quốc thì các quốc gia láng giềng luôn luôn phải có ý thức đề cao văn hóa dân tộc, khẳng định sự độc lập về văn hiến như là cái gốc của nền độc lập dân tộc” [2; tr.55]. Các thi nhân lớn của Việt Nam và Nhật Bản có sự gặp gỡ, đồng điệu trong hồn thơ và đều đề cao thể thơ đậm đà bản sắc mỗi dân tộc.

### 3. KẾT LUẬN

Mỗi tác phẩm văn học là tiếng nói, tâm hồn riêng của cá nhân nhà văn, nhưng đằng sau mỗi nhà văn thường mang bóng dáng của dân tộc, không khí thời đại mà họ trải qua. Vậy nên tinh thần dân tộc cũng thường hài hòa tinh tế trong từng câu chữ, trong dòng cảm xúc của nhà văn. Thơ thôn quê Nguyễn Trãi và Bashô đã lưu lại vẻ đẹp cảnh sắc, con người của hai dân tộc thời trung đại. Và cũng chính cuộc sống chân thực, sinh động của mỗi dân tộc đã mang lại cho thơ ca của dân tộc ấy một bản sắc riêng độc đáo được giữ gìn và truyền lại cho hậu thế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nhật Chiêu (2010), *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868*, Tái bản lần thứ 5, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [2] Đoàn Lê Giang (1997), *So sánh quan niệm văn học trong văn học cổ điển Việt Nam và Nhật Bản*, Tạp chí Văn học, (9), tr.53.
- [3] Đoàn Lê Giang (2003), *Basho - Nguyễn Trãi - Nguyễn Du, những hồn thơ đồng điệu*, Tạp chí Văn học, (6).
- [4] Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (Đồng chủ biên) (2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [5] Bùi Duy Tân (1999), *Khảo và luận một số tác gia - tác phẩm văn học trung đại*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Bùi Duy Tân (2001), *Khảo và luận một số thể loại tác gia - tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*, tập 2, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [7] Lã Nhâm Thìn (1998), *Thơ Nôm Đường luật*, Tái bản lần thứ 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

**ETHNICITY THROUGH NGUYEN TRAI AND BASHO'S  
COUNTRYSIDE POEMS**

**Le Thi Nuong**

**ABSTRACT**

*Nguyen Trai and Basho are typical authors of two medieval literatures in East Asia. Especially, the countryside poems by the two poets express the unique beauty of Vietnamese and Japanese literature. Rustic, idyllic poems written about nature and people of the countryside not only interpret the deeply outlook on life, but also the pride and love of the poets' homeland. Hidden behind Nguyen Trai's Nom (Chinese transcribed Vietnamese) and the Basho's Haiku poems is the beauty and the soul of every nation.*

**Keywords:** *Countryside poetry, ethnicity, Nguyen Trai, Basho.*

\* Ngày nộp bài: 7/10/2019; Ngày gửi phản biện: 9/10/2019; Ngày duyệt đăng: 8/11/2019

\* Bài báo này là kết quả nghiên cứu từ đề tài cấp cơ sở mã số ĐT-2018-10 của Trường Đại học Hồng Đức.